TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/8/2020
"V/v Ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Trình.

2. Ông Nguyễn Gia Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: *Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1993.

HKTT: Khu Mang Bão, xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn*: Anh Hà Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu Mang Bão, xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phùng Thị Thành trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị Phùng Thị Thành kết hôn với anh Hà Văn T có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh T tại xã Tân

Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do anh T không chịu tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, anh T còn có biểu hiện ngoại tình, nhưng chị không biết cụ thể là ai. Anh T không quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không chịu sửa chữa, đôi khi nóng giận anh T còn có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn hỏi han quan tâm đến nhau. Chị T đã gọi điện nhiều lần cho anh T, anh có biết việc chị xin ly hôn nhưng anh không về. Do thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị T xin được ly hôn anh T để giải phóng cho chị và anh T.

Về con chung: Chị T, anh T có 02 con chung là Hà Duy K, sinh ngày 17/3/2012 và Hà Khánh L, sinh ngày 13/12/2013. Hiện các cháu đang ở cùng với chị T. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Khánh L đến khi thành niên, cháu Hà Duy K chị để anh Tài nuôi dưỡng. Nếu anh T vẫn không trở về sinh sống tại địa phương thì chị xin cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo chị T vợ chồng không có gì chung nên không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Hà Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của phát luật thông qua bố đẻ anh là ông Hà Văn H. Ông H đã thông báo cho anh T về việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý đơn chị T xin ly hôn anh nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không lý do.*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2020, ông Hà Văn H trình bày: Con trai ông và chị T kết hôn năm 2011 tại UBND xã Tân Minh, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị T T ở chung với ông cùng với gia đình, rồi sau đó vợ chồng ra ở riêng, rồi lại quay về sống chung. Cuộc sống vợ chồng anh T, chị T có sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, nghi ngờ tình cảm và không tin tưởng nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, gia đình có khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng anh T sống ly thân. Quan điểm của gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng.

Về con chung thì vợ chồng anh T có 02 con chung tên là Hà Duy K, sinh ngày 17/3/2012 và Hà Khánh L, sinh ngày 13/12/2013 hiện tại các cháu đang ở với chị T, quan điểm của ông là các cháu ở với ai cũng được.

Về tài sản chung : không có tài sản chung và công nợ chung. Hiện tại anh T đi làm ăn, còn cụ thể làm ở đâu ông không nắm được, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về nhà, thỉnh thoảng có về thăm gia đình. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh T biết việc chị T xin ly hôn. Anh Tài có thông tin lại là anh đồng ý ly hôn, con chung giải quyết theo quy định của pháp luật, anh đề nghị Tòa án xử văng mặt.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát*:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về lập hồ sơ và thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Điều 70-71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70-72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Hà Văn T. Về con chung: Giao cháu 02 con chung là Hà Duy K-sinh ngày 17/3/2012 và Hà Duy K, sinh ngày 17/3/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi thành niên, tự lực được. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung . Tài sản chung, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn đều có nơi cư trú tại khu xóm Mang Bão, xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 15/7/2020, chị Phùng Thị T nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại Tòa án. Anh Hà Văn T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1+3 Điều 228; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan điểm đề nghị của Nguyên đơn và phát biểu về giải quyết nội dung vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình bởi lẽ: Quan hệ hôn nhân của chị Phùng Thị T và

anh Hà Văn T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống cả hai bên không cảm thông và chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cả hai vợ chồng đều không biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn nên cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, tạo nhiều áp lực cho nhau. Chính vì vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án và lời trình bày của ông H - bố đẻ anh T đã chứng minh, anh T và chị T không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau một thời gian dài, thực tế cuộc hôn nhân không còn tồn tại. Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T anh T có 02 con chung, các cháu vẫn do chị T nuôi dưỡng cháu sóc từ khi vợ chồng sống ly thân. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị T có nguyện vọng xin nuôi cả con chung. Xét nguyện vọng của chị T về con chung là chính đáng vì hiện nay anh T đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, các con chung của anh chị còn đang độ tuổi chưa thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho trẻ em HĐXX xét thấy cần giao cho chị T nuôi cả 02 con chung là phù hợp khoản 2 Điều 81- luật hôn nhân và gia đình. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo chị T, vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền khán cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1+2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1+3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T. Cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Hà Văn T

2. *Về con chung*: Giao cho chị Phùng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hà Duy K, sinh ngày 17/3/2012 và Hà Khánh L- sinh ngày 13/12/2013 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi thành niên, tự lực được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung .

Chị T và anh T đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phùng Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002123 ngày 28/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Tân Minh- huyện Thanh Sơn- tỉnh Phú Thọ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND xã Tân Minh.*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy